ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI **TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ**

****

**ĐINH NGỌC THI**

**ỨNG DỤNG CÁC KỸ THUẬT TRỪU TƯỢNG HÓA VÀ TÌM KIẾM TRONG KIỂM CHỨNG PHẦN MỀM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**Hà Nội – 2018**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI **TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ**

**ĐINH NGỌC THI**

**ỨNG DỤNG CÁC KỸ THUẬT TRỪU TƯỢNG HÓA VÀ TÌM KIẾM TRONG KIỂM CHỨNG PHẦN MỀM**

Chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm

Mã số: 62 48 01 03

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. Nguyễn Việt Hà

2. TS. Võ Đình Hiếu

**Hà Nội – 2018**

**Họ và tên tác giả luận án**

**TÊN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

*(ghi ngành của học vị được công nhận)*

**Hà Nội – 20…**

**Lời cam đoan**

Tôi xin cam đoan luận án “**Ứng dụng kỹ thuật trừu tượng hóa và tìm kiếm trong kiểm chứng phần mềm**” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả được trình bày trong luận án là hoàn toàn trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình nào khác.

* Tôi đã trích dẫn đầy đủ các tài liệu tham khảo, công trình nghiên cứu liên quan ở trong nước và quốc tế. Ngoại trừ các tài liệu tham khảo này, luận án hoàn toàn là công việc của riêng tôi.
* Trong các công trình khoa học được công bố trong luận án, tôi đã thể hiện rõ ràng và chính xác đóng góp của các đồng tác giả và những gì tôi đã đóng góp.
* Luận án được hoàn thành trong thời gian tôi làm Nghiên cứu sinh tại Bộ môn Công nghệ phần mềm, Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tác giả:

Hà Nội:

**Lời cảm ơnMỞ ĐẦU**

**Chương 1**

**TỔNG QUAN**

Chương này sẽ phân tích, đánh giá lại các kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án: đó là ứng dụng kỹ thuật trừu tượng hóa và tìm kiếm trong kiểm chứng phần mềm. Phần trình bày này sẽ bao gồm các nội dung sau đây: các kỹ thuật tìm kiếm trong kiểm chứng phần mềm, ứng dụng giải thuật di truyền và giải thuật tối ưu hóa bầy đàn để sinh dữ liệu kiểm thử cho một chương trình phần mềm.

## 1.1 Kỹ thuật tìm kiếm trong kiểm chứng phần mềm

Trong thập kỷ qua, đã có một số lượng lớn các nghiên cứu và công bố được thực hiện trong lĩnh vực kỹ thuật phần mềm dựa trên phương pháp tìm kiếm (*search-based software engineering* (*SBSE*)), như là sự áp dụng của các phương pháp tìm kiếm trong các bài toán tối ưu hóa vào trong kỹ thuật phần mềm. SBSE rất được quan tâm bởi vì tính linh hoạt của nó, có nghĩa là, nó có thể được điều chỉnh cho các tiếp cận tự động hay bán tự động, và khả năng giải quyết các bài toán với các không gian tìm kiếm thường rất lớn và với các hàm mục tiêu có thể cạnh tranh hoặc mâu thuẫn với nhau. SBSE có thể áp dụng vào toàn bộ giai đoạn khác nhau các trong quy trình phát triển phần mềm, từ lập kế hoạch dự án, phân tích yêu cầu cho đến bảo trì bảo hành, và thậm chí là cả tái cơ cấu phần mềm [1]. Mặc dù vậy, SBSE được sử dụng chủ yếu ở giai đoạn kiểm thử và tìm lỗi trong quy trình phát triển phần mềm [2, 3]. Ví dụ, câu hỏi khó khăn nhất trong kiểm thử phần mềm là tìm ra được một bộ nhỏ nhất của trường hợp thử nghiệm mà có thể phủ được toàn bộ các rẽ nhánh (*branches*) hoặc đâu là một tiêu chuẩn kiểm thử (*testing criteria*) trong một chương trình. Về bản chất, đây là một dạng câu hỏi tối ưu hóa.

Năm 2009, Harman và các cộng sự [2] tiến hành một khảo sát toàn diện về SBSE, với đối tượng khảo sát bao gồm hơn 500 bài báo đã được công bố. Khảo sát này đã cho thấy có hơn 70% các bài báo trong số này liên quan đến kiểm thử phần mềm (*software testing*).

Mối liên hệ, các thành phần của SBSE có thể được biểu diễn bởi sơ đồ sau:

To be continue

Từ khóa kiểm thử phần mềm bằng kỹ thuật tìm kiếm (*search-based software testing* (*SBST*)) được bắt đầu với bài báo được công bố năm 1976 của Miller và Spooner [4]. Họ đã áp dụng các kỹ thuật tối đa hóa số học (*numerical maximization techniques*) để sinh dữ liệu kiểm thử dấu phẩy động cho các đường thực thi (*test path*) của chương trình. Phương pháp của họ là tạo ra phiên bản đường thẳng (*straight-line version*) của chương trình bằng cách cố định tất cả các số nguyên đầu vào (mục đích là cắt bỏ các đường thực thi còn lại), và thay thế tất cả các câu lệnh điều kiện so sánh bao gồm cả so sánh số thực dấu phẩy động bằng các ràng buộc có dạng như *ci* > 0, *ci* = 0 và *ci* ≥ 0, với *i* = 1, …, *n*. Những điều kiện này là một định lượng để tạo ra dữ liệu kiểm thử sao cho có thể đi qua đường thực thi mong muốn. Ví dụ, với một điều kiện *i* có dạng là if (a != b), *ci* tương ứng với . Các hàm giá trị thực liên tục được sử dụng để tối ưu hóa các ràng buộc này, sẽ có giá trị âm nếu dữ liệu kiểm thử không phủ được đường thực thi mong muốn, và dương nếu ngược lại. Một dữ liệu kiểm thử mà có thể thỏa mãn được hết các ràng buộc kiểu như là thì sẽ đảm bảo phủ được đường thực thi của chương trình ban đầu tương ứng với phiên bản đường thẳng được sử dụng để sinh dữ liệu kiểm thử.

Hơn 2 thập niên sau Korel [5] cải tiến cách tiếp cận của Miller và Spooner để có thể tự động hóa các khía cạnh khác nhau trong việc sinh dữ liệu kiểm thử. Thay vì kết xuất ra một phiên bản đường thẳng của một chương trình, Korel chèn thêm mã (*instrument code*) vào chương trình. Korel cũng thay thế các ràng buộc đường thực thi bằng một định lượng gọi là khoảng cách rẽ nhánh (*branch distance*). So với đề xuất của Miller và Spooner, độ đo khoảng cách được lũy kế theo tất cả các ràng buộc trên đường dẫn thực thi thì khoảng cách rẽ nhánh được đề xuất bởi Korel thì cụ thể và chi tiết hơn. Đầu tiên, chương trình được thực hiện với một vector dữ liệu đầu vào tùy ý. Nếu đường thực thi mong muốn được thực hiện thì dữ liệu kiểm thử này được ghi nhận lại. Ngược lại, tại điểm mà sự thực thi bị rẽ theo một nhánh khác thì khoảng cách rẽ nhánh được tính thông qua hàm tính khoảng cách rẽ nhánh. Hàm này sẽ đo mức độ gần gũi của đường đi theo cạnh khác tại nút rẽ nhánh để có thể thực hiện được đường thực thi mong muốn. Bảng 1.1 trình bày một số hàm khác nhau để tính khoảng cách cho các toán tử quan hệ trong các vị từ. Một giải thuật tìm kiếm sau đó được sử dụng để tìm các giá trị thích hợp của giá trị tham số đầu vào mà có thể duyệt được đường thực thi con của đường thực thi mong muốn, trong khi đồng thời vẫn cực tiểu hóa khoảng cách rẽ nhánh, do đó có thể tiếp tục xuống đến được đường thực thi mong muốn.

Bảng 1.1 Hàm khoảng cách rẽ nhánh cho các quan hệ vị từ (Korel [5])

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Vị từ quan hệ | Hàm mục tiêu | Quan hệ |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

Ngay sau công bố của Korel, Xanthakis và các cộng sự [6] cũng sử dụng chiến lược hướng đến đường thực thi (*test path*) trong công bố của mình. Họ đã sử dụng giải thuật di truyền để có thể phủ được các cấu trúc mà không thể phủ được với giải thuật tìm kiếm ngẫu nhiên. Cũng tương tự như Miller và Spooner, một đường thực thi được chọn và tất cả điều kiện rẽ nhánh (*branch predicate*) sẽ được kết xuất dọc theo đường thực thi này. Một tiến trình tìm kiếm sẽ tìm các dữ liệu kiểm thử thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện rẽ nhánh, do đó thì có thể sinh được dữ liệu kiểm thử cho đường thực thi này.

Trong khoảng một chục năm gần đây, tất cả các phương pháp kiểm thử động hộp trắng (*dynamic white–box testing*) đều phải dựa vào đường thực thi của chương trình. Đặc biệt là, để phủ được phân nhánh mong muốn (*target branch*), thì phải chọn một đường thực thi dẫn đến phân nhánh đó (trong trường hợp là có nhiều hơn một đường thực thi dẫn đến phân nhánh mong muốn này). Điều này đã tạo thêm gánh nặng cho người kiểm thử chương trình (*tester*), đặc biệt là với các chương trình phức tạp. Korel đã làm giảm đi gánh nặng này bởi đề xuất một chiến lược kiểm thử hướng đến mục tiêu (*goal–oriented testing strategy*) [7]. Trong chiến lược này con đường dẫn đến phân nhánh mục tiêu là (phần lớn) không liên quan. Các tiếp cận hướng đến phân nhánh mục tiêu sử dụng một biểu đồ luồng điều khiển của chương trình để xác định các tiêu chí quan trọng, bán quan trọng và các đường thực thi không liên quan đến phân nhánh mục tiêu. Nó có thể được sử dụng để thu được các câu lệnh, phân nhánh hay các phủ điều kiện/quyết định đã được sửa đổi (*modified condition/decision coverage - MC/DC coverage*). Khi một đầu vào đi qua một cạnh không mong muốn của một node quan trọng, nó sẽ đánh dấu rằng việc thực hiện đường thực thi này sẽ không dẫn đến phân nhánh mong muốn được. Trong trường hợp này một thuật toán tìm kiếm sẽ được sử dụng để thay đổi tham số đầu vào, làm cho chúng buộc phải thực hiện theo hướng thay thế phân nhánh tại thời điểm sự thực hiện có dấu hiệu không thể hướng đến được phân nhánh mục tiêu.

To be continue…

Phần lớn các nghiên cứu ở phía trên đề cập đến các chương trình tuần tự, nhưng SBST cũng được áp dụng vào các chương trình lập trình hướng đối tượng (AY08; CK06; SAY07; Ton04; Wap08).

Các kỹ thuật tìm kiếm thông dụng nhất được áp dụng cho các bài toán kiểm thử cấu trúc là giải thuật di truyền (*genetic algorithm*). Tuy nhiên cũng có các giải thuật khác cũng đã được nghiên cứu thử nghiệm, bao gồm giải thuật tiến hóa song song (*parallel evolutionary algorithms*)(AC08), các chiến lược tiến hóa (*Evolution Strategies*) (AC05), các thuật toán ước lượng phân phối (*Estimation of Distribution Algorithms*) (SAY07), tìm kiếm rải rác (*Scatter Search*) (BTDD07; Sag07), tối ưu hóa bầy đàn (*Particle Swarm Optimization*) (LI08; WWW07) hay tìm kiếm Tabu (DTBD08). Korel (Kor90) là người đầu tiên đề xuất một kỹ thuật tìm kiếm cục bộ, được biết dưới tên gọi là phương pháp thay đổi biến số. Các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm gần đây đã chỉ ra rằng kỹ thuật tìm kiếm này có thể là cách tiếp cận hiệu quả để sinh ra dữ liệu kiểm thử để phủ được đầy đủ các phân nhánh của chương trình.

Phần còn lại của chương này sẽ trình bày về hai giải thuật được áp dụng rộng rãi gần đây trong SBST, đó là giải thuật di truyền và tối ưu hóa bầy đàn.

## 1.2 Ứng dụng giải thuật di truyền để sinh dữ liệu kiểm thử

Khi xem xét đánh giá các phương pháp hiện nay đang sử dụng giải thuật di truyền để sinh dữ liệu kiểm thử, cần phải có một bộ thuộc tính đánh giá để so sánh các cách tiếp cận khác nhau: đối tượng, hàm mục tiêu (*fitness function*), các chương trình tiêu chuẩn (bao gồm đo lường phức tạp, (ví dụ như chu trình phức tạp, số lượng phân nhánh, mức độ lồng ghép của phân nhánh hay vòng lặp), tham số đầu vào (miền giá trị và biểu diễn), và số lượng ràng buộc) và các xử lý di truyền.

Chọn lựa loại thông tin nào để điều hướng cho quá trình tìm kiếm luôn là một vấn đề chính khi áp dụng GA vào kiểm thử phần mềm bởi vì nó là bản chất của hàm mục tiêu. Nghiên cứu sự kết hợp tốt nhất của các giá trị tham số có thể cũng là một hướng tiếp cận đáng quan tâm và đầy thử thách, bởi vì các giá trị tham số có thể tạo ra một sự khác biệt quan trọng đối với hiệu suất tổng thể của một kỹ thuật tìm kiếm.

Hàm mục tiêu thông thường bao gồm khoảng cách phân nhánh/vị từ (*branch or predicate distance*)(BD)(Kor1990) và mức xấp xỉ (*approximation level*)(AL)(JAH2001, AHM2002). Khoảng cách vị từ ước lượng sự khác biệt tại câu lệnh phân nhánh giữa đường thực thi mục tiêu và đường thực thi thực sự đi qua. Mức xấp xỉ cho thấy số lượng của các phân nhánh trùng nhau của đường thực thi mục tiêu và đường thực thi thực sự đi qua cho đến khi có sự khác biệt. Ahmed và Hermadi [MI2008] phát triển GA để thỏa mãn kiểm thử đường thực thi. Mức xấp xỉ và khoảng cách phân nhánh được sử dụng như là các thành phần cho hàm mục tiêu. Ahmed và Hermadi cũng đã thử với một vài hàm mục tiêu. Họ nhận thấy rằng hàm mục tiêu tốt nhất được xây dựng như sau: tiêu chuẩn hóa BD và AL, tính toán AL để tìm các đường đi, và cân đối các giá trị mục tiêu với quần thể. Một đóng góp quan trọng của họ nữa là tối thiểu hóa số lần gọi hàm mục tiêu bằng cách sinh ra một tập dữ liệu kiểm thử mà có thể phủ được nhiều đường thực thi trong mỗi lần sinh quần thể.

Năm 2009, Blanco và các cộng sự (RJB2009) đã đề xuất kỹ thuật tìm kiếm phân tán (*scatter search*)(SS), là một giải thuật tiến hóa khác, để sinh dữ liệu tự động. Họ đã sử dụng SS để giải quyết cùng một lớp các bài toán tối ưu hóa tổ hợp mà cũng có biểu diễn bởi CFG như là bài toán sinh dữ liệu kiểm thử phần mềm. Mục tiêu của họ là xây dựng được một tập dữ liệu kiểm thử nhỏ những có thể phủ được các phân nhánh. Hai phiên bản của bộ sinh dữ liệu kiểm thử đã được phát triển, trong đó có một là kết hợp với phương pháp tìm kiếm cục bộ. Có 13 chương trình tiêu chuẩn được chọn lựa để chứng minh và so sánh giữa 2 bộ sinh dữ liệu theo tiêu chuẩn số lần dữ liệu kiểm thử được sinh ra và thời gian tiêu tốn. Họ chỉ ra rằng SS không tốt hơn các phương pháp khác mà được sử dụng trong bài báo, tuy nhiên nó luôn hoạt động trung bình. Hơn thế nữa, sự kết hợp với tìm kiếm cục bộ có thể nâng cao được hiệu quả của nó.

Năm 2008, Sagarna và Yao đề xuất một tiếp cận để sinh dữ liệu kiểm thử bằng cách sử dụng tiến hóa đa mục tiêu (*multiobjective evolution*), trong đó xem xét đồng thời cả kiểm thử phủ phân nhánh (*branch coverage testing*) và các ràng buộc hình phạt (*penalty constraints*). Hàm mục tiêu được tạo ra bằng cách kết hợp cả khoảng cách phân nhánh BD và mức xấp xỉ AL.

Alba và Chicano(EF2007) đã phân tích sự ứng dụng của giải thuật tiến hóa song song và tuần tự để sinh dữ liệu kiểm thử phủ các điều kiện. Ngoài ra họ cũng nghiên cứu ảnh hưởng của các tham số đến các hiệu năng của giải thuật tiến hóa. Chiến lược tiến hóa phân tán (*decentralized evolutionary strategy*) (ES) và GA phân tán đã được họ đề xuất. 12 chương trình đã được sử dụng để minh chứng cho cách tiếp cận này. Kết quả cho thấy rằng không có sự khác biệt đáng kể giữa các phiên bản phân tán và hỗn hợp, nếu xét trên tiêu chí mức độ phủ các phân nhánh và hiệu suất.

Trong năm 2007, Harman và các cộng sự [MKP2007] đã phát triển GA trọng số (*weighted GA*) và Pareto GA để sinh dữ liệu kiểm thử đa mục tiêu. Các hàm mục tiêu của họ hướng đến việc sinh dữ liệu kiểm thử có thể phủ được các phân nhánh và tối thiểu hóa cấp phát bộ nhớ động. Các hàm mục tiêu này đều được kết hợp từ khoảng cách phân nhánh BD và mức xấp xỉ AL. Họ đã sử dụng nền tảng IGUANA (*Input Generation Using Automated Novel Algorithms*), được phát triển bởi McMinn [Phil2007] sử dụng NSGA II [KPAT2002]. GA trọng số sử dụng mẫu ngẫu nhiên trong thủ tục lựa chọn (*selection*), trong khi Pareto GA sử dụng chiến lược tuyển chọn và tái huy động. Kết quả cho thấy cả hai thuật toán này không tốt hơn các so với các đề xuất khác nếu xét trên việc sinh toàn bộ dữ liệu kiểm thử. Tuy nhiên, nghiên cứu này đã cho thấy một kết quả đầy hứa hẹn cho việc áp dụng một phương pháp tiếp cận đa mục tiêu khi ứng dụng giải thuật tiến hóa để sinh ra dữ liệu kiểm thử chương trình.

Năm 2007, Yoo và Harman [SM2007] đã ứng dụng thuật toán tiến hóa đa mục tiêu để chọn lựa các trường hợp kiểm thử (*test cases*) trong kiểm thử hồi quy (*regression testing*) nhằm giảm thiểu hoặc tránh thử lại tất cả hàm/thủ tục, ví dụ như là chạy lại toàn bộ các trường hợp kiểm thử khi có một sự thay đổi yêu cầu. Các mục tiêu này phù hợp với các tiêu chí như sau: độ bao phủ mã nguồn, lịch sử phát hiện lỗi trong quá khứ, và chi phí thực hiện. Nghiên cứu sử dụng NSGA-II [KPAT2002] và một biến thể của nó vNSGA-II.

Phần tiếp theo trong chương này chúng ta sẽ xem lại đề xuất hướng đến kiểm thử bao phủ sử dụng các kỹ thuật lai ghép với thuật toán tiến hóa.

Năm 2004, Ferreira và Vergilio [LS2004] đã nghiên cứu về kiểm thử bao phủ mã nguồn/các điều kiện bằng cách sử dụng tìm kiếm ngẫu nhiên, thuật toán di truyền và lai ghép của thuật toán di truyền. Họ báo cáo rằng phương pháp lai ghép thuật toán di truyền là hiệu quả nhất, với thời gian chạy trung bình thấp hơn hai phương pháp kia.

Trong cùng năm này, McMinn và Holcombe[70] kết hợp cách tiếp cận chuỗi (chaining approach - CA) vào hàm mục tiêu của GA, như là các dữ liệu phụ thuộc kế thừa cũng được đưa vào xem xét. Điều này có nghĩa là hướng dẫn tìm kiếm trực tiếp vào một miền giá trị đầu vào tiềm ẩn nhưng chưa được khám phá. Sau đó McMinn và Holcombe mở rộng nghiên cứu của Baresel và cộng sự [71]

## 1.3 Ứng dụng giải thuật tối ưu hóa bầy đàn để sinh dữ liệu kiểm thử

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. **Dinh Ngoc Thi**, Vo Dinh Hieu and Nguyen Viet Ha (2016), "*A Technique for Generating Test Data using Genetic Algorithm*", in the Proceedings of the 2016 International Conference on Advanced Computing and Applications (ACOMP 2016), Can Tho City, Vietnam, November 23-25, 2016. IEEE 2016 ISBN 978-1-5090-6143-3, pp. 67-73.
2. **Ngoc-Thi Dinh**, Dinh-Hieu Vo, Thi-Dao Vu and Viet-Ha Nguyen (2017), "*Generation of Test Data using Genetic Algorithm and Constraint Solver*", in the Proceedings of the 9th Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (ACIIDS 2017), Kanazawa, Japan, April 3-5, 2017. Studies in Computational Intelligence (SCI) volume 710, Springer 2017, ISBN 978-3-319-56659-7, pp. 499-513.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Mark Harman and Bryan F. Jones. Search-based software engineering. Information and Software Technology, 43(14):833-839, 2001.

[2] Mark Harman, S. Afshin Mansouri, and Yuanyuan Zhang. Search based software engineering: A comprehensive analysis and review of trends techniques and applications. Technical Report TR-09-03, April 2009.

[3] Mark Harman and Phil McMinn. A theoretical and empirical study of search-based testing: Local, global, and hybrid search. IEEE Transactions on Software Engineering, 36(2):226-247, March 2010.

[4] Webb Miller and David L. Spooner. Automatic generation of foating-point test data. IEEE Transactions on Software Engineering, 2(3):223-226, September 1976.

[5] Bogdan Korel. Automated software test data generation. IEEE Transactions on Software Engineering, 16(8):870-879, 1990.

[6] S. Xanthakis, C. Ellis, C. Skourlas, A. Le Gall, S. Katsikas, and K. Karapoulios. Application of Genetic Algorithms to Software Testing. In Proceedings of the 5th International Conference on Software Engineering and Applications, pages 625{636, Toulouse, France, 7-11 December 1992.

[7] Bogdan Korel. Dynamic method of software test data generation. Softw. Test, Verif. Reliab, 2(4):203–213, 1992.

[AY08] Andrea Arcuri and Xin Yao. Search Based Software Testing of Object-Oriented Containers. Information Sciences, 178(15):3075-3095, August 2008.

[CK06] Yoonsik Cheon and Myoung Kim. A Specification-based Fitness Function for Evolutionary Testing of Object-oriented Programs. In Proceedings of the 8th annual Conference on Genetic and Evolutionary Computation (GECCO '06), pages 1953-1954, Seattle, Washington, USA, 8-12 July 2006. ACM.

[SAY07] Ramón Sagarna, Andrea Arcuri, and Xin Yao. Estimation of Distribution Algorithms for Testing Object Oriented Software. In Proceedings of the IEEE Congress on Evolutionary Computation (CEC '07), pages 438-444, Singapore, 25-28 September 2007. IEEE.

[Wap08] Stefan Wappler. Automatic Generation of Object-Oriented Unit Tests using Genetic Programming. PhD thesis, Technical University of Berlin, January 2008.

[AC08] Enrique Alba and Francisco Chicano. Observations in using Parallel and Sequential Evolutionary Algorithms for Automatic Software Testing. Computers & Operations Research, 35(10):3161-3183, October 2008.

[AC05] Enrique Alba and Francisco Chicano. Software Testing with Evolutionary Strategies. In Proceedings of the 2nd Workshop on Rapid Integration of Software Engineering Techniques

(RISE '05), volume 3943 of Lecture Notes in Computer Science, pages 50-65, Heraklion,

Crete, Greece, 8-9 September 2005. Springer.

[BTDD07] Raquel Blanco, Javier Tuya, Eugenia Daz, and B. Adenso Daz. A Scatter Search Approach for Automated Branch Coverage in Software Testing. International Journal of Engineering Intelligent Systems (EIS), 15(3):135-142, September 2007.

[Sag07] Ramón Sagarna. An Optimization Approach for Software Test Data Generation: Applications of Estimation of Distribution Algorithms and Scatter Search. PhD thesis, University of the Basque Country, San Sebastian, Spain, January 2007.

[LI08] Raluca Lefticaru and Florentin Ipate. Functional Search-based Testing from State Machines. In Proceedings of the First International Conference on Software Testing, Verification and Validation (ICST 2008), pages 525{528, Lillehammer, Norway, 9-11 April 2008. IEEE Computer Society.

[WWW07] Andreas Windisch, Stefan Wappler, and Joachim Wegener. Applying Particle Swarm Optimization to Software Testing. In Proceedings of the 9th annual Conference on Genetic and Evolutionary Computation (GECCO '07), pages 1121-1128, London, England, 7-11 July 2007. ACM.

[DTBD08] Eugenia Díaz, Javier Tuya, Raquel Blanco, and José Javier Dolado. A Tabu Search Algorithm for Structural Software Testing. Computers & Operations Research, 35(10):3052-3072, October 2008.

[Kor90] Bogdan Korel. Automated software test data generation. IEEE Transactions on Software Engineering, 16(8):870-879, 1990.

[JAH2001] Joachim Wegener, Andre Baresel, and Harmen Sthamer. Evolutionary test environment for automatic structural testing. Information and Software Technology, 43(14):841-854, 2001. Special Issue on Software Engineering using Metaheuristic Innovative Algorithms.

[AHM2002] André Baresel, Harmen Sthamer, and Michael Schmidt. Fitness function design to improve evolutionary structural testing. In GECCO '02: Proceedings of the 2002 Genetic and Evolutionary Computation Conference, pages 1329-1336, San Francisco, CA, USA, 2002. Morgan Kaufmann Publishers Inc.

[MI2008] Moataz A. Ahmed and Irman Hermadi. GA-based Multiple Paths Test Data Generator. Computers & Operations Research, 35:3107-3124, October 2008.

[RJB2009] Raquel Blanco, Javier Tuya, and Belarmino Adenso-Diaz. Automated test data generation using a scatter search approach. Information and Software Technology, 51(4):708-720, April 2009.

[RX2008] Ramón Sagarna and Xin Yao. Handling constraints for search based software test data generation. In ICSTW '08: Proceedings of the IEEE International Conference on Software Testing Verification and Validation 2008, pages 232-240, April 2008.

[EF2007]Enrique Alba and Francisco Chicano. Observations in using parallel and sequential evolutionary algorithms for automatic software testing. Computers & Operations Research, 35:3161–3183, February 2007.

[MKP2007] Mark Harman, Kiran Lakhotia, and Phil McMinn. A multi-objective approach to search-based test data generation. In GECCO ’07: Proceedings of the 2007 Genetic and Evolutionary Computation Conference, pages 1098–1105, New York, NY, USA, July 2007. ACM.

[Phil2007] Phil McMinn. IGUANA: Input Generation Using Automated Novel Algorithms. A plug and play research tool. Technical report, University of Sheffield, 2007.

[KPAT2002] Kalyanmoy Deb, A. Pratap, S. Agarwal, and T. Meyarivan. A fast and elitist multiobjective Genetic Algorithm: NSGA-II. IEEE Transactions on Evolutionary Computation, 6(2):182–197, April 2002.

[SM2007] Shin Yoo and Mark Harman. Pareto efficient multi-objective test case selection. In ISSTA '07: Proceedings of the 2007 international symposium on software testing and analysis, pages 140-150, New York, NY, USA, 2007. ACM.

[LS2004] Luciano Petinati Ferreira and Silvia Regina Vergilio. Tdsgen: An environment based on hybrid genetic algorithms for generation of test data. In Genetic and Evolutionary Computation GECCO 2004, volume 3103 of Lecture Notes in Computer Science, pages 1431-1432. Springer Berlin / Heidelberg, 2004. 10.1007/978-3-540-24855-2-165.